

# **Ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm: kiểm dịch và giá tiêu thụ sản phẩm gia cầm ở Đồng bằng sông Cửu Long**

**MAI VĂN NAM**

## **1. Đặt vấn đề**

Phát triển ngành chăn nuôi gia cầm cho hộ nông dân ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được xem là biện pháp góp phần sử dụng lao động nhàn rỗi ở nông thôn, tận dụng được các nguồn thức ăn sẵn có và các phụ phẩm trong nông nghiệp. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức hàng đầu đặt ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm gia cầm hiện nay là kiểm soát dịch bệnh và tiêu thụ sản phẩm.

Nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm cũng như nguyên nhân và các vấn đề còn tồn tại trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gia cầm và thủy cầm (gia cầm); đề xuất các giải pháp khắc phục. Kết quả nghiên cứu là tài liệu cơ bản cho các đề tài nghiên cứu tiếp theo về gia cầm và thủy cầm ở ĐBSCL.

## **2. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu**

Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện về tự nhiên phù hợp cho việc phát triển ngành chăn nuôi gia cầm, thủy cầm. Ngoài ra, ĐBSCL là trọng điểm về sản xuất lúa của cả nước, nên ĐBSCL cũng là vùng cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào cho ngành chăn nuôi. Hộ nông dân ở ĐBSCL có nhiều kinh nghiệm trong việc chăn nuôi, đồng thời nhạy bén trong việc tiếp nhận khoa học, kỹ thuật mới. Tuy nhiên, chăn nuôi gia cầm ở ĐBSCL vẫn còn phổ biến là chăn nuôi gia đình với quy mô nhỏ. Nghiên cứu này được tiến hành ở các tỉnh, thành có quy mô nuôi gia cầm, thủy cầm lớn như Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang và An Giang; thời gian được khảo sát từ 2006 năm đến năm 2007.

### **2.2. Mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu nhằm phân tích ảnh hưởng của dịch bệnh và kiểm dịch sản phẩm gia cầm đến giá tiêu thụ sản phẩm gia cầm; đề xuất các giải pháp tăng hiệu quả công tác kiểm dịch và tiêu thụ sản phẩm gia cầm đối với hộ nông dân ở ĐBSCL.

Các nội dung chính được đề cập trong nghiên cứu: (1). Dịch cúm gia cầm có ảnh hưởng đến chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm gia cầm, thủy cầm ở ĐBSCL không? (2). Chất lượng kiểm dịch, tác động của việc kiểm dịch đối với giá tiêu thụ sản phẩm gia cầm? (3). Cần có các giải pháp cấp thiết cho hộ nông dân ở ĐBSCL khắc phục hậu quả dịch cúm gia cầm và nâng cao hiệu quả chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm gia cầm, thủy cầm?

### **2.3. Kiểm định giả thuyết**

Hai giả thuyết cần được kiểm định trong nghiên cứu của đề tài: (1). Tình hình chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gia cầm ở ĐBSCL bị ảnh hưởng xấu bởi dịch cúm gia cầm. Khi đó người chăn nuôi, nhất là chăn nuôi quy mô nhỏ, gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, bán sản phẩm; (2). Các hoạt động kiểm dịch thú y ở ĐBSCL được đẩy mạnh nhưng chưa đạt hiệu quả mong muốn nhằm kiểm soát dịch cúm gia cầm trong vùng?

### **2.4. Phương pháp nghiên cứu**

#### **2.4.1. Cách tiếp cận**

(1). Phỏng vấn nông hộ và các tác nhân thị trường: bộ bảng câu hỏi phỏng vấn nông hộ và các tác nhân thị trường.

Mai Văn Nam, TS, Trường Đại học Cần Thơ.

(2). Ý kiến chuyên gia.

(3). Phân tích, kiểm định, so sánh và đối chiếu

#### **2.4.2. Phương pháp thu thập số liệu**

**Số liệu sơ cấp:** số liệu được thu thập gồm điều tra cấu trúc với bảng câu hỏi soạn sẵn và bán cấu trúc, phỏng vấn trực tiếp 532 hộ nông dân, 56 thương lái, 47 người bán lẻ, và 52 người tiêu dùng ở những vùng tập trung chăn nuôi của các tỉnh Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang và An Giang bằng phương pháp phân tầng ngẫu nhiên. Các thông tin được thu thập bao gồm tình hình chăn nuôi, chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, kiểm dịch; những khó khăn trong chăn nuôi cũng như tiêu thụ sản phẩm do ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm ở các nông hộ.

**Số liệu thứ cấp:** thu thập số liệu từ các cơ quan quản lý thú y, nông nghiệp trong vùng. Thu thập thông tin thông qua ban lãnh đạo các cấp, cán bộ thú y, khuyến nông, chủ nhiệm các câu lạc bộ và các hộ nông dân sản xuất giỏi. Nội dung phỏng vấn bao gồm thông tin tổng quát về đặc điểm nông hộ, đặc điểm chăn nuôi; các chi phí đầu tư vào chăn nuôi; tình hình dịch bệnh và mức độ thiệt hại, hậu quả của dịch cúm gia cầm đối với hộ nông dân ở địa phương và trong vùng; thông tin khác như trình độ kiến thức, phương thức chăn nuôi, nhu cầu vốn đầu tư và các ý kiến của nông dân về nguồn tín dụng, thị trường các yếu tố đầu vào, thị trường đầu ra của sản phẩm gia cầm, kiểm dịch.

#### **2.4.3. Phương pháp phân tích**

Các phương pháp nghiên cứu khoa học được sử dụng như:

**Phân tích mục tiêu (1):** dùng phương pháp Phân tích chi phí lợi ích (CBA: cost-benefit analysis), hàm phân tích phân biệt (discriminant analyses). Phân tích phân biệt dùng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự khác biệt về giá giữa các hộ chăn nuôi gia cầm, thủy cầm: là phương pháp phân tích sử dụng cho việc phân biệt giữa các nhóm, bằng cách phân tích với một biến phụ thuộc được

phân loại và các biến độc lập được đo bằng thang đo khoảng. Mô hình phân tích phân biệt được dựa vào mô hình kinh tế lượng như sau:

$$D = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_nX_n$$

Trong đó: D: điểm phân biệt;  $b_i$ : các hệ số hay trọng số phân biệt;  $X_i$ : các biến độc lập ( $i = 1, n$ ). Hệ số hay trọng số  $b_i$  được ước lượng để phân biệt sự khác nhau giữa các nhóm dựa vào giá trị của hàm phân biệt, khi tỷ số giữa tổng bình phương giữa các nhóm và trong từng nhóm có đặc điểm rất lớn. Hệ số Canonical Correlation bình phương, nó cũng tương tự như hệ số  $R^2$  trong mô hình hồi quy tuyến tính: thể hiện mức độ các biến độc lập có ảnh hưởng đến hàm phân biệt.  $\text{Sig } \lambda < \alpha$ : có sự phân biệt ý nghĩa giữa các nhóm.

**Phân tích mục tiêu 2:** sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả như so sánh, kiểm định, xếp hạng tiêu thức để xác định mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gia cầm ở DBSCL.

### **3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

#### **3.1. Kiểm dịch gia cầm**

Quy trình kiểm dịch ở từng tỉnh, thành phố của nước ta mỗi nơi mỗi khác mặc dù Cục thú y đã có những qui định chung về vấn đề này. Chỉ cục thú y từng địa phương cho rằng tùy hoàn cảnh cụ thể ở mỗi địa bàn mà sẽ áp dụng các qui trình kiểm dịch cho phù hợp.

##### **3.1.1. Hình thức kiểm dịch gia cầm**

**Kiểm dịch động vật sống:** gia cầm, thủy cầm cần được tiêm phòng đúng liều, đúng thời điểm. Gia cầm nói chung được xác nhận là khỏe mạnh, không bị nhiễm cúm khi đã được tiêm phòng ít nhất là 2 lần trong vòng đời. Lần tiêm phòng đầu tiên được tiến hành sau 14 ngày kể từ khi gia cầm nở. Lần thứ hai với thời gian là 28 ngày kể từ lần tiêm phòng thứ nhất. Nếu gia cầm nuôi quá 5 tháng kể từ lần tiêm phòng thứ 2 thì phải tiêm phòng lần thứ ba. Trong trường hợp gia cầm thiếu một trong ba lần tiêm phòng thì đều bị cho là miễn dịch kém và sẽ bị nhân viên thú y tiêu hủy khi phát hiện ra. Sau khi tiêm phòng đầy đủ,

nhân viên thú y sẽ cấp cho hộ chăn nuôi gia cầm giấy chứng nhận gọi là *Giấy chứng nhận tiêm phòng vaccin cúm gia cầm*. Và khi hộ chăn nuôi xuất chuồng đem bán gia cầm thì phải giao Giấy chứng nhận lâm sàng này cho thương lái và người mua để vận chuyển sản phẩm gia cầm.

**Kiểm soát giết mổ:** trước khi nhập lượng gia cầm vào bên trong lò mổ, nhân viên thú y sẽ kiểm tra đối chiếu số lượng gia cầm thực tế với số lượng được ghi trên Giấy chứng nhận lâm sàng hay Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật. Khi có sự chênh lệch số lượng gia cầm giữa thực tế và giấy tờ thì người chủ sở hữu lượng gia cầm đó phải giải thích cho nhân viên thú y về sự khác biệt. Sau đó nhân viên thú y sẽ kiểm dịch lâm sàng số gia cầm này, nếu tất cả đều khỏe mạnh thì sẽ được nhập vào lò mổ tiến hành giết mổ, còn nếu có bệnh sẽ bị tịch thu và tiêu hủy bởi nhân viên thú y. Sau khi giết mổ xong, một lần nữa lượng gia cầm này sẽ được nhân viên kiểm tra và đóng

dấu. Nếu số sản phẩm này đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm thì sẽ được nhân viên thú y cấp một Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh. Lúc này lượng sản phẩm gia cầm này được phép lưu thông ngoài thị trường.

**Kiểm dịch vệ sinh thú y:** sản phẩm gia cầm được phép buôn bán trên thị trường phải có giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh và con dấu được đóng trên sản phẩm. Nếu không đáp ứng được các yêu cầu trên thì bị coi là sản phẩm gia cầm chưa qua kiểm dịch, và bị xử lý như tịch thu và phạt đối với người đang kinh doanh buôn bán.

### 3.1.2. Quy trình kiểm dịch gia cầm

Do phải tuân theo các hình thức kiểm dịch nên việc mua bán, lưu thông, vận chuyển gia cầm từ người chăn nuôi đến người tiêu dùng phải thực hiện theo đúng qui trình mà Cục thú y đã quy định. Quy trình kiểm dịch gia cầm được thực hiện bởi sơ đồ.

**SƠ ĐỒ 1: Quy trình kiểm dịch gia cầm**



Nguồn: các Chi cục thú y tỉnh - thành ĐBSCL, 2006

1: Giấy chứng nhận lâm sàng tại nơi chăn nuôi, giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh.

2: Giấy chứng nhận lâm sàng, giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh, giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh và con dấu.

### 3.1.3. Chênh lệch giá giữa sản phẩm gia cầm có kiểm dịch và không kiểm dịch

Gia cầm sau khi được giết mổ tại các lò mổ và có đủ giấy tờ, con dấu cần thiết được phép lưu thông trên thị trường và giá bán sản phẩm gia cầm lúc này gọi là giá bán có kiểm dịch. Trong trường hợp gia cầm được

bày bán sống ngoài chợ hoặc được giết mổ nhưng không đủ giấy tờ hay con dấu hợp pháp, nếu bị các cơ quan thú y phát hiện sẽ lập biên bản tịch thu sản phẩm hay phạt tiền tùy mức độ. Giá bán sản phẩm gia cầm như vậy gọi là giá bán không có kiểm dịch.

**BẢNG 1: Chênh lệch giữa giá bán sản phẩm gia cầm có và không có kiểm dịch**

| Chỉ tiêu                | ĐVT  | Thấp nhất | Cao nhất | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|-------------------------|------|-----------|----------|------------|---------------|
| Giá bán có kiểm dịch    | đ/kg | 20.000    | 36.000   | 28.071     | 4.548,3       |
| Giá bán không kiểm dịch | đ/kg | 11.000    | 33.000   | 23.663     | 4.598,5       |

Nguồn: Điều tra trực tiếp, năm 2006-2007.

### 3.1.3. Đánh giá chất lượng của công tác kiểm dịch

**Đánh giá hiệu quả của công tác kiểm dịch:** kiểm dịch gia cầm gồm 3 giai đoạn là tiêm ngừa khi chăn nuôi, kiểm dịch lúc mang đi bán, kiểm dịch trong và sau giết mổ. Tại khâu tiêm ngừa trong lúc chăn nuôi, gia cầm phải được tiêm ngừa từ 2 đến 3 lần tùy theo thời gian nuôi. Nếu thiếu 1 trong 3 giai đoạn đó thì gia cầm vẫn chưa miễn nhiễm đối với virus cúm H5N1. Đối với giai đoạn kiểm dịch động vật khi người chủ sở hữu mang gia cầm đi nơi khác bán thì lại phát sinh khả năng bỏ sót

trong lúc kiểm tra lâm sàng. Nguyên nhân là nhân viên thú y không thể kiểm tra hết toàn bộ lượng gia cầm mà chỉ quan sát sơ bộ triệu chứng của gia cầm, bằng cách chọn khoảng 30-50% tổng lượng vận chuyển được lập phiếu chứng nhận kiểm dịch. Trong giai đoạn kiểm dịch tại lò mổ thì việc kiểm dịch chặt chẽ hơn, sau khi nhân viên kiểm dịch đối chiếu số lượng ghi trên giấy chứng nhận đúng với số lượng gia cầm thực tế mới cho nhập lò mổ. Sau khi giết mổ sản phẩm gia cầm sẽ được kiểm tra lần cuối trước khi đóng dấu và xuất bán.

**BẢNG 2: Đánh giá sự hiệu quả của công tác kiểm dịch**

**ĐVT: %**

| Loại hình kinh doanh | Số lượng được kiểm dịch trung bình mỗi lần | Xác suất bỏ sót gà bệnh |
|----------------------|--------------------------------------------|-------------------------|
| Người chăn nuôi      | 99                                         | 2                       |
| Thương lái           | 54                                         | 5                       |
| Lò giết mổ           | 100                                        | 0                       |

Nguồn: Điều tra trực tiếp năm 2006-2007

**Đánh giá chất lượng của sản phẩm gia cầm sau kiểm dịch:** quy trình kiểm dịch phải được thực hiện từ khâu đầu tiên tức là khâu chăn nuôi cho đến khâu cuối cùng là giết mổ nhằm hạn chế đến mức tối đa những rủi ro do virus cúm gia cầm gây ra đối với người tiêu dùng cũng như người buôn bán. Kết quả nghiên cứu cho thấy 2 giai đoạn của kiểm dịch, kiểm dịch động vật gia cầm sống tại nơi chăn nuôi và kiểm dịch vận chuyển gia cầm lúc mang đi bán đã loại bỏ đến 80% những con gia cầm mang mầm mống dịch bệnh. Và khi gia cầm đến lò mổ thì qua các giai đoạn kiểm dịch sản phẩm xuất nhập, giết mổ và xử lý bằng hóa chất thì độ an toàn của sản phẩm gia cầm có kiểm dịch là rất cao.

**Những tồn tại trong công tác kiểm dịch:** (1) số lượng đàn gia cầm chăn nuôi trên địa bàn là khá lớn, cộng với tập quán chăn nuôi như thả lan, chạy đồng làm cho công tác thú y, phòng dịch bệnh gặp nhiều khó khăn; (2) nạn buôn bán và nhập lậu gia cầm trái phép từ Trung Quốc sang đã xuất hiện và có khả năng

lan rộng nếu không được ngăn chặn kịp thời; (3) trên thị trường còn xuất hiện những con dấu giả nhằm đánh lừa người tiêu dùng và cơ quan kiểm dịch; (4) một bộ phận nhỏ người chăn nuôi vẫn còn e dè khi nhân viên thú y tiêm ngừa gia cầm vì họ xem điều đó có thể ảnh hưởng đến năng suất gia cầm đang chăn nuôi; (5) những người chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn thường hay bán gia cầm sống tại các chợ cho những người tiêu dùng thích mua gia cầm còn sống; (6) còn tình trạng kiểm tra và đóng dấu kiểm dịch gia cầm tràn lan không đúng qui trình là do có sự thỏa hiệp giữa chủ lò mổ và nhân viên kiểm dịch thú y và hình thức trả lương của nhiều Chi cục thú y cho nhân viên kiểm dịch theo số lượng dấu đóng trên sản phẩm gia cầm.

### 3.2. Phân tích ảnh hưởng của dịch bệnh và kiểm dịch sản phẩm gia cầm đến giá tiêu thụ sản phẩm gia cầm

Giá bán trong phần phân tích này gồm giá mà người chăn nuôi, thương lái và lò giết mổ gia cầm bán cho các đối tượng khác nhau.

Mục đích của việc phân biệt này nhằm xác định các yếu tố gây ra sự khác nhau trong các giá bán. Dựa vào thống kê mô tả ta tìm ra được giá bán trung bình. Nếu giá bán nào lớn

hơn giá bán trung bình thì gọi là giá bán cao, ngược lại thì gọi là giá bán thấp. Bằng cách chạy hàm phân biệt (Discriminant Function) ta có kết quả phân tích sau:

**BẢNG 3: Giá trị trung bình các nhân tố phân biệt trong hai nhóm giá bán**

| Chỉ tiêu                    | Giá bán thấp | Giá bán cao | Trung bình |
|-----------------------------|--------------|-------------|------------|
| Loại giống (X1)             | 3,42         | 2,15        | 2,66       |
| Chi phí Marketing (X2)      | 143,65       | 126,91      | 133,65     |
| Khách hàng (X3)             | 5,13         | 4,20        | 4,57       |
| Trọng lượng (X4)            | 2,31         | 2,53        | 2,44       |
| Mùa vụ (X5)                 | 1,35         | 1,87        | 1,66       |
| Uy tín người bán (X6)       | 2,68         | 2,43        | 2,53       |
| Phương thức thanh toán (X7) | 0,61         | 0,65        | 0,63       |
| Kiểm dịch (X8)              | 0,16         | 0,33        | 0,26       |
| Địa phương (X9)             | 3,41         | 3,48        | 3,45       |
| Dịch bệnh (X10)             | 1,77         | 2,80        | 2,39       |

Qua kết quả phân tích cho thấy các yếu tố tạo nên sự phân biệt ở hai nhóm giá bán cao và thấp tùy theo loại gia cầm. Nếu là gà vườn hay vịt xiêm thì giá cao hơn gà công nghiệp hay vịt chạy đồng; khách hàng khác nhau thì giá bán cũng khác nhau, nếu bán cho người tiêu dùng thì giá thường cao hơn là bán cho thương lái hay lò mổ; trọng lượng trung bình

của gia cầm trong 2 nhóm giá cũng chênh lệch nhau khoảng 0,22 kg/con. Yếu tố kiểm dịch cũng làm cho giá bán chênh lệch nhau, nếu có kiểm dịch thì giá bán sẽ cao hơn so với lúc chưa có kiểm dịch. Ngoài ra các yếu tố khác như mùa vụ, uy tín người bán hay sự xuất hiện của dịch bệnh cũng làm cho giá bán tại các thời điểm cao thấp khác nhau.

**BẢNG 4: Sự tương quan giữa các nhân tố**

|     | X1     | X2     | X3     | X4     | X5     | X6     | X7     | X8     | X9    | X10   |
|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|-------|-------|
| X1  | 1,000  |        |        |        |        |        |        |        |       |       |
| X2  | 0,094  | 1,000  |        |        |        |        |        |        |       |       |
| X3  | 0,297  | -0,343 | 1,000  |        |        |        |        |        |       |       |
| X4  | -0,553 | -0,236 | -0,262 | 1,000  |        |        |        |        |       |       |
| X5  | -0,370 | 0,307  | -0,290 | 0,161  | 1,000  |        |        |        |       |       |
| X6  | 0,058  | -0,529 | 0,133  | 0,156  | -0,468 | 1,000  |        |        |       |       |
| X7  | -0,283 | -0,147 | -0,512 | 0,289  | 0,305  | 0,129  | 1,000  |        |       |       |
| X8  | 0,017  | 0,759  | -0,174 | -0,180 | 0,257  | -0,696 | -0,178 | 1,000  |       |       |
| X9  | -0,148 | -0,616 | 0,099  | 0,352  | -0,105 | 0,612  | 0,229  | -0,749 | 1,000 |       |
| X10 | -0,508 | 0,015  | -0,186 | 0,396  | 0,300  | -0,123 | 0,187  | 0,089  | 0,211 | 1,000 |

Từ ma trận tương quan giữa các biến, ta thấy sự tương quan giữa các yếu tố tương đối thấp (đa phần các hệ số tương quan đều nhỏ hơn 0,5). Trong đó yếu tố gia cầm khi bán có hay không có kiểm dịch và yếu tố chi phí marketing tương quan nhau rất lớn (hệ số

tương quan 75,9%). Điều này là do người bán sản phẩm có kiểm dịch phải đóng thêm một khoản chi phí cho việc kiểm dịch gia cầm, nếu chi phí kiểm dịch tăng cao thì kéo theo chi phí marketing cũng tăng theo. Xét mối tương quan giữa yếu tố địa phương, nơi bán và yếu tố uy

tín của người bán có sự tương quan nhau là 61,2%. Trên thực tế người bán là các lò mổ tại các địa phương đều cho rằng uy tín của mình khi bán là quan trọng bởi vì gia cầm của họ đã qua kiểm dịch. Trong khi đó những người chăn nuôi khác thường không mấy quan tâm đến điều này. Ngoài ra ta còn thấy yếu tố loại giống và yếu tố khách hàng có mối liên quan với nhau (hệ số tương quan là 29,7%). Các loại giống khác nhau thường được bán cho những người mua khác nhau. Nếu là gà vườn hay vịt xiêm thì được người chăn nuôi bán cho hàng xóm hay cho người tiêu dùng ngoài chợ, còn nếu là vịt chạy đồng hay gà công nghiệp nuôi với số lượng lớn thường được bán cho thương

lái hay lò mổ. Xét mối tương quan giữa yếu tố bán theo mùa vụ và yếu tố kiểm dịch (hệ số tương quan 25,7%) ta thấy những loại gia cầm nuôi và bán theo từng vụ như vịt chạy đồng và gà công nghiệp thường có kiểm dịch hơn là những loại gia cầm khác. Ngoài ra những loại gia cầm bán theo vụ này cũng thường áp dụng hình thức nhận tiền trả sau khoảng 1 tuần (yếu tố mùa vụ và yếu tố phương thức thanh toán, hệ số tương quan là 30,5%). Trong bảng ma trận tương quan trên còn cho ta thấy yếu tố kiểm dịch và yếu tố địa phương có mối quan hệ mật thiết với nhau (hệ số tương quan -74,9%). Khi sản phẩm gia cầm được bán ở các địa phương khác thì hầu như ít có kiểm dịch.

**Bảng 5: Sự tác động của các nhân tố phân biệt giữa hai nhóm giá**

| Chỉ tiêu                    | Hệ số b              | Wilks' λ | F      | Sig.  |
|-----------------------------|----------------------|----------|--------|-------|
| Loại giống (X1)             | 0,387***             | 0,759    | 23,858 | 0,000 |
| Chi phí marketing (X2)      | 0,750 <sup>NS</sup>  | 0,998    | 0,127  | 0,722 |
| Khách hàng (X3)             | 0,368*               | 0,958    | 3,300  | 0,073 |
| Trọng lượng (X4)            | -0,108***            | 0,862    | 12,005 | 0,001 |
| Mùa vụ (X5)                 | -0,387**             | 0,891    | 9,128  | 0,003 |
| Uy tín người bán (X6)       | -0,163 <sup>NS</sup> | 0,967    | 2,549  | 0,115 |
| Phương thức thanh toán (X7) | 0,456 <sup>NS</sup>  | 0,998    | 0,120  | 0,730 |
| Kiểm dịch (X8)              | -0,708*              | 0,966    | 2,637  | 0,109 |
| Địa phương (X9)             | -0,020 <sup>NS</sup> | 1,000    | 0,028  | 0,868 |
| Dịch bệnh (X10)             | -0,291***            | 0,808    | 17,832 | 0,000 |

\*\*\* ý nghĩa đến 1%; \*\* ý nghĩa đến 5%; \* ý nghĩa đến 10%; NS: không có ý nghĩa

$$D = 0,387X_1 + 0,750X_2 + 0,368X_3 - 0,108X_4 - 0,387X_5 - 0,163X_6 - 0,456X_7 - 0,708X_8 - 0,020X_9 - 0,291X_{10}$$

**Bảng 6: Ma trận tương quan của các nhân tố phân biệt đối với giá bán**

| Các nhân tố            | Hệ số tương quan |
|------------------------|------------------|
| Loại giống             | 0,771            |
| Dịch bệnh              | -0,666           |
| Trọng lượng            | -0,547           |
| Mùa vụ                 | -0,477           |
| Khách hàng             | 0,287            |
| Kiểm dịch              | -0,256           |
| Uy tín người bán       | 0,252            |
| Chi phí marketing      | 0,056            |
| Phương thức thanh toán | -0,055           |
| Địa phương             | -0,026           |

Qua phân tích ma trận tương quan ta thấy: yếu tố loại giống gia cầm (hệ số tương quan là 0,771) tác động mạnh nhất đến sự phân biệt giá bán. Trên thị trường năm 2005-2007 thì giá gà vườn và vịt xiêm luôn cao hơn gà công nghiệp và vịt ta. *Yếu tố dịch bệnh* (hệ số tương quan là -0,666) thể hiện rằng khi có thông báo dịch cúm gia cầm xảy ra làm cho giá bán sản phẩm gia cầm giảm đi. Hơn nữa hai yếu tố trên cũng có liên quan nhau (hệ số tương quan -0,508) cho biết *khi có dịch cúm xảy ra* thì giá bán của vịt chạy đồng và gà công nghiệp có xu hướng giảm nhiều hơn so với của gà vườn và vịt xiêm. Yếu tố trọng lượng khi bán (hệ số tương quan là -0,547) có ý nghĩa là giá bán sẽ thấp hơn đối với những loại gia cầm có trọng lượng nhỏ. Yếu tố bán theo mùa vụ (hệ số tương quan -0,477) cho thấy những loại gia cầm có khuynh hướng bán theo mùa vụ thường bán ở giá thấp. Ngoài ra yếu tố khách hàng cũng có ảnh hưởng đến giá bán (hệ số tương quan 0,287) thông qua việc bán cho khách hàng là người tiêu dùng sẽ được giá hơn là bán sỉ cho các thương lái. Trong những năm gần đây khi mà dịch cúm gia cầm xảy ra và biến động phức tạp làm cho người tiêu dùng e ngại trong việc mua gia cầm. Do vậy yếu tố giá bán có kiểm dịch (hệ số tương quan -0,256) chỉ ra rằng những sản phẩm gia cầm không có kiểm dịch thường bán với giá thấp hơn những sản phẩm có kiểm dịch. Còn các yếu tố khác như uy tín người bán, chi phí marketing, phương thức thanh toán hay địa phương cũng có tác động làm tăng hay giảm giá bán nhưng ở mức độ không đáng kể.

### **3.3. Các giải pháp tăng hiệu quả chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gia cầm ở ĐBSCL**

#### **3.3.1. Người chăn nuôi**

*Giống:* người chăn nuôi nên chọn các giống gia cầm theo nhu cầu thị trường; chăn nuôi cần đầu tư thâm canh, nuôi tập trung với qui mô vừa và lớn theo kiểu nhốt

chuồng để tăng hiệu quả và dễ phòng chống dịch bệnh.

*Chăn nuôi cần gắn liền với hợp đồng bao tiêu cho sản phẩm:* tổ chức lại sản xuất để gắn liền chăn nuôi với tiêu thụ sản phẩm: các hộ nông dân cần gắn liền chăn nuôi với hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

*Tập huấn về quản lý sản xuất, kỹ thuật chăn nuôi, phòng trị bệnh gia cầm:* các hộ chăn nuôi cần tham gia các lớp tập huấn về quản lý sản xuất, kỹ thuật chăn nuôi, cũng như tiếp cận dịch vụ thú y nhằm sử dụng nguồn lực nông hộ có hiệu quả, giảm và tránh được rủi ro trong chăn nuôi, kinh doanh.

*Tuân thủ tốt nhất các quy định về kiểm dịch gia cầm:* tác động của yếu tố kiểm dịch làm tăng giá trị cho gia cầm thể hiện qua giá bán cao hơn so với khi không được kiểm dịch. Điều này cho thấy người chăn nuôi khi buôn bán phải tuân theo các quy định về kiểm dịch.

*Chăn nuôi tập trung, công nghiệp, qui mô vừa và lớn:* các hộ chăn nuôi cần chọn hình thức chăn nuôi tập trung, công nghiệp; đầu tư thâm canh với qui mô lớn, tránh nhỏ lẻ, phân tán để giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm, dễ tiếp cận dịch vụ thú y, dễ kiểm soát dịch bệnh, giảm rủi ro trong chăn nuôi và tăng hiệu quả kinh doanh.

#### **3.3.2. Phát triển lò ấp nở gia cầm sạch**

Nhằm khắc phục tình trạng ấp nở con giống gia cầm tự phát, không đảm bảo chất lượng gây thiệt hại cho người chăn nuôi và tái phát dịch cúm gia cầm, cần đầu tư phát triển lò ấp nở gia cầm sạch.

#### **3.3.3. Thương lái**

*Đa dạng hóa sản phẩm thu mua:* hiện nay, mỗi thương lái thường thu mua mỗi loại sản phẩm gia cầm, thủy cầm nhất định, làm tăng chi phí marketing và giảm hiệu quả chăn nuôi của nông hộ, giảm khả năng cạnh tranh của thị trường sản phẩm gia cầm, thủy cầm. Cho nên, thương lái cần

tổ chức lại mạng lưới thu mua đa năng, đa dạng hóa sản phẩm gia cầm cho phù hợp với cung cầu của thị trường.

**Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật:** Nhà nước cần hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm giảm chi phí thu mua, giảm thời gian thu mua vận chuyển, giảm hao hụt, tăng chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của các tác nhân tham thị trường và tăng giá trị tăng thêm của chuỗi ngành hàng sản phẩm gia cầm.

**Tăng cường thông tin thị trường giữa người bán và người mua:** chăn nuôi gia cầm, thủy cầm ở ĐBSCL phân tán nên hộ chăn nuôi cũng như thương lái thường thiếu thông tin thị trường làm cho mua bán sản phẩm gia cầm thường không kịp thời, tăng chi phí marketing, giảm hiệu quả sản xuất và kinh doanh. Đặc biệt, khi có dịch cúm, thông tin thị trường không kịp thời làm tăng rủi ro cho cả hộ nông dân và thương lái khi mua bán sản phẩm gia cầm.

### 3.3.4. Lò mổ gia cầm

**Thực hiện đúng các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm:** trong những năm gần đây khi dịch cúm gia cầm xảy ra, rất nhiều lò mổ phải đóng cửa ngưng hoạt động vì vấn đề an toàn vệ sinh môi trường. Cho nên để phát triển hoạt động kinh doanh giết mổ gia cầm, lò mổ cần phải thực hiện đúng các qui định về an toàn vệ sinh thực phẩm.

### 3.3.5. Kiểm dịch sản phẩm gia cầm

**Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về dịch bệnh và phòng chống dịch bệnh:** cần phổ biến kiến thức về dịch bệnh và phòng chống dịch bệnh cho người chăn nuôi và cộng đồng. Phát triển công tác khuyến nông, trong đó Chi cục thú y cần phối hợp tốt với báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng trong việc truyền thông tới người chăn nuôi ở những vùng sâu vùng xa. Cần phổ biến kiến thức về dịch bệnh và phòng chống dịch bệnh cho cả người tiêu dùng, bởi họ chính là khâu cuối cùng của kênh phân phối sản phẩm gia cầm.

**Xây dựng hệ thống kiểm dịch hoàn chỉnh:** hiện nay tiền lương mà Chi cục thú y trả cho các nhân viên kiểm dịch tại các lò mổ tính theo sản phẩm được đóng dấu. Nếu số gia cầm được đóng dấu để xuất lò nhiều thì nhân viên sẽ hưởng được tiền nhiều. Điều này làm phát sinh các tiêu cực trong việc đóng dấu kiểm dịch. Công tác kiểm dịch gia cầm thành công thì các Chi cục thú y cần tăng cường thêm các trạm kiểm dịch, trong đó cần chú ý đến công tác phối hợp giữa các Chi cục thú y trong vùng và công tác ngăn ngừa tiêu cực.

**Kết hợp với chính quyền địa phương trong công tác kiểm dịch, kiểm soát dịch cúm tái phát:** ngăn ngừa dịch cúm tái phát là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của xã hội. Để thực hiện tốt công tác kiểm dịch, góp phần kiểm soát và ngăn chặn dịch cúm tái phát, cần kiện toàn tổ chức và công tác phối hợp của Ban phòng chống dịch cúm gia cầm ở các địa phương, trong đó cần có kế hoạch phối hợp đồng bộ giữa các Chi cục thú y với các tổ chức chính trị, quân chủng ở địa phương để thực hiện tốt công tác tiêm phòng gia cầm, tiêu hủy gia cầm khi có dấu hiệu dịch bệnh hay quản lý chặt chẽ việc đăng ký chăn nuôi của nông hộ.

## 4. Kết luận và kiến nghị

Trong những năm qua do ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm, người chăn nuôi khó bán, có khi không bán được sản phẩm, các thương lái và lò mổ cũng gặp rất nhiều khó khăn do doanh thu bị sụt giảm, lỗ. Kết quả nghiên cứu xác định được những mặt mạnh, những tồn tại trong chăn nuôi, mua bán và chế biến sản phẩm gia cầm do tác động của dịch cúm gia cầm. Từ các tồn tại cần khắc phục, các biện pháp phát triển chăn nuôi gia cầm sạch, tổ chức lại kênh phân phối hiệu quả cho thị trường tiêu thụ sản phẩm gia cầm và các quy chế kiểm dịch gia cầm thật chặt chẽ và hợp lý được đề xuất. Tiêu thụ sản phẩm gia cầm cũng bị ảnh hưởng lớn do dịch cúm, dịch cúm tác



động đến tiêu thụ từ kênh phân phối - như qui trình kiểm dịch giết mổ, thú y, cũng như tăng chi phí marketing vì người chăn nuôi, thương lái hay chủ lò mổ gia cầm phải chịu thêm chi phí kiểm dịch. Dịch bệnh cũng ảnh hưởng đến giá bán sản phẩm, dịch cúm làm cho tiêu thụ khó, giá bán sản phẩm giảm đáng kể.

Để thực hiện các giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại hiện nay về chăn nuôi và thị trường tiêu thụ gia cầm của ĐBSCL, cần có chương trình hỗ trợ tín dụng cho nông dân chăn nuôi gia cầm, thủy cầm để hình thành những trang trại chăn nuôi với quy mô lớn, tập trung bán công nghiệp và công nghiệp để có thể đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về sản xuất gia cầm sạch - như qui mô, và chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, cung cấp sản phẩm ổn định. Phát triển thị trường bảo hiểm sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt cho sản phẩm chăn nuôi nhằm giảm thiểu rủi ro cho hộ

nông dân và các tác nhân tham gia thị trường nông sản, sản phẩm chăn nuôi./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anthony E. Boardman, David H.Greenberg, Aidan R.Vinng, David L.Weimer (1996), *Cost-Benefit Analysis*, Prentice-Hall, Inc.
2. Mai Văn Nam (2006), *Giáo trình kinh tế lượng*, Nxb Thống kê.
3. Philp Kotler, Gary Armstrong (1989), *Principles of Marketing*, Prentice-Hall International
4. Russell Davidson, James G. Mackinnon (2004), *Econometric Theory and Methods*, Oxford University Press.
5. Trần Phước Sơn (2000), *Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm*, Nxb Nông nghiệp.
6. Tổng Cục Thống kê (2006), *Niên giám thống kê*, Nxb Thống kê
7. Các trang web: [www.mard.gov.vn](http://www.mard.gov.vn); [www.gso.com.vn](http://www.gso.com.vn); [www.vnn.vn](http://www.vnn.vn).